

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày: 29/3/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng**.

- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Bùi Văn Thức**

- Ông **Bùi Thanh Nông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Dương** – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Diễm– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: TRỊNH VŨ L, Sinh ngày 03/03/1984 ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ;Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT Tổ 12, phường DC, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình và chỗ ở hiện nay: Tổ 11, phường DC, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Con ông: Trịnh Hồng H, sinh năm 1953; Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1957, cả hai hiện đang sinh sống tại Phường DC, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 người con. Vợ: Vũ Thị L, sinh năm 1987, hiện đang sinh sống tại phường DC, thành phố HB tỉnh Hòa Bình. Con : Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2009; con nhỏ sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/06/2016, Trịnh Vũ L bị C an thành phố Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) về hành vi “cố ý gây thương tích”.

Bị cáo Trịnh Vũ L bị tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại. Hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ 11, phường DC, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

2. Họ tên: NGUYỄN CHÍ C; Sinh ngày 19/11/1992 tại: UH – Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: khu S, thị trấn B, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Con ông:Nguyễn Xuân G, sinh năm 1967; Con bà: Đào Thị Thu H, sinh năm 1968, cả hai hiện đang sinh sống tại khu S, thị trấn B, huyện KB,

tỉnh Hòa Bình. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 người con; Vợ: Cà Thị D, sinh năm 1995, hiện đang sinh sống tại khu S, thị trấn B, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Con: Bị cáo có 02 người con, con thứ nhất sinh năm 2014; con thứ hai sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng, về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số 10/2016/HSST).

- Ngày 05/02/2018, bị C an huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” (QĐ số 79/QĐ – XPHC).

Bị cáo Nguyễn Chí C bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu Sào, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

3. Họ tên: BÙI VĂN TR; Sinh ngày 20/05/1988, tại: KB – Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không ; Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu L, thị trấn B, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Con ông: Bùi Thế Ng, sinh năm 1959; Con bà: Bùi Thị Ch, sinh năm 1960, cả hai hiện đang sinh sống tại khu L, thị trấn B, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Bị cáo là con út trong gia đình có 03 người con. Vợ: Bùi Thị D, sinh năm 1993, hiện đang sinh sống tại khu L, thị trấn B, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Con: Bị cáo có 02 người con, con thứ nhất sinh năm 2013; con thứ hai sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/07/2008, C an huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”.

Bị cáo Bùi Văn Tr bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu Lạng, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

4. Họ tên: BÙI TRUNG K; Sinh ngày 30/09/1995, tại: KB – Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm BC, xã KB, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Con ông: Bùi Văn M, sinh năm 1974; Con bà: Quách Thị K, sinh năm 1973, cả hai hiện đang sinh sống tại xã KB, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Bị cáo là con cả trong gia đình có 02 anh em. Vợ: Bùi Thúy S, sinh năm: 1997 (Đã ly hôn); Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/06/2018, bị C an huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Đánh nhau”.

Bị cáo Bùi Trung K bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm Bôi Câu, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

5. Họ tên: ĐỖ VĂN CH; Sinh ngày 05/05/1996; tại: thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: tổ 4, phường

QL, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Con ông: Đỗ Văn S, sinh năm 1958; Con bà: Hà Thị X, sinh năm 1956, hiện đang sống xã SN, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Bị cáo là con út trong gia đình có 02 người con; Vợ: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2017, Đỗ Văn Ch bị C an thành phố Hòa Bình, tỉnh Hoà Bình, xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo QĐ xử phạt vi phạm hành chính số 163/QĐ-XPHC ngày 24/04/2017.

Ngày 11/8/2020, Đỗ Văn Ch bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình, xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đỗ Văn Ch đã chấp hành xong bản án.

6. Họ tên: BẠCH C L; Sinh ngày 28/1/1997, tại: KB, Hoà Bình. Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: xóm GT, xã ĐS, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Con ông: Bạch C Ch, sinh năm 1972; Con bà: Bùi Thị S, sinh năm 1969, cả hiện đang sinh sống tại xã ĐS, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Bị cáo là con cả trong gia đình có 02 người con. Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1998, hiện trú tại xóm GT, xã ĐS, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Con: Bị cáo có 01 người sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Bạch C L bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm Gò Thấu, xã Đú Sáng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Có mặt

7. Họ tên: BÙI VĂN KH; Sinh ngày 28/8/1998, tại: KB, Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: khu B, thị trấn B, huyện KB, tỉnh Hòa Bình. Con ông: Bùi Văn Th, sinh năm 1977, trú tại YL, PT; Con bà: Bùi Thị M, sinh năm 1977, trú tại xóm Kh, xã CH, huyện KB, tỉnh Hoà Bình. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 người con. Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/02/2018, bị C an huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” (QĐ số 82/QĐ – XPHC).

Bị cáo Bùi Văn Kh bị bắt ngày 28/12/2020 theo lệnh truy nã và đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ C an huyện Kim Bôi. Có mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Ông **Vũ Quang H**, sinh năm 1953, trú tại: khu Thống Nhất, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

2- Bà **Bùi Thị Ch**, sinh năm 1959, trú tại: xóm Ve, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

3- Anh **Phùng Minh Kh**, sinh năm 1984, trú tại: Gò Chè, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

4- Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1971, trú tại: thị trấn Ba Hàng Đồi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- 5- Chị **Bùi Thị Ph**, sinh năm 1977, trú tại: xóm Gò Kh, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 6- Chị **Quách Thị Tú L**, sinh năm 1983, trú tại: khu Sào, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 7- Anh **Quách C S**, sinh năm 1978, Trú tại: xóm Bình Tân, xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.
- 8- Anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1966, trú tại: khu Thành C, thị trấn Bo huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có mặt
- 9- Anh **Bùi Văn Ch**, sinh năm 1967, trú tại: khu Lục Cả, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 10- Chị **Tạ Thị Hồng Nh**,sinh năm 1992,trú tại: thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.Vắng mặt.
- 11- Anh **Lê Mạnh H**, sinh năm 1981, trú tại: khu Đồng Tiến, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 12- Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1984, trú tại: khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 13- Anh **Bùi Mạnh T**, sinh năm 1990, trú tại: khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 14- Anh **Bùi Văn Ch**, sinh năm 1990, trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 15- Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1965, trú tại: xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 16- Chị **Đoàn Thị S**, sinh năm 1990, trú tại: xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.Vắng mặt.
- 17- Chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1981, trú tại: xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 18- Chị **Bùi Thị M**, sinh năm, 1991, trú tại: xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 19- Anh **Bùi Văn Ng**, sinh năm 1996, trú tại: xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 20- Anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1987, trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 21- Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1963, trú tại: xóm Gò Chè, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 22- Anh **Tạ Văn D**, sinh năm 1975, rrú tại: khu Đồng Tiến, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
- 23- Anh **Bùi Mạnh Q**, sinh năm 1983, trú tại: khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

24- Anh **Bùi Văn Y**, sinh năm 1997, trú tại: xóm Bôi Cầu, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

25- Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1972, trú tại: khu Lục Cả, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

26- Chị **Bùi Thị Th**, sinh năm 1987, trú tại: khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

27- Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1987, trú tại: khu Lục Cả, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

28- Chị **Quách Thị Nh**, sinh năm 1952, trú tại: xóm Thông, xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

29- Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1993, trú tại: xóm Trờ, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

30- Anh **Bùi Văn Th**, sinh năm 1993, trú tại: xóm Đồi 1, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

31- Anh **Nghiêm Vũ H**, sinh năm 1972, trú tại: khu Thành C, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

32- Anh **Bùi Văn Nh**, sinh năm 1984, trú tại: xóm Bái, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

33- Anh **Quách Đình Th**, sinh năm 1991, trú tại: khu Sào, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

34- Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1994, trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

35- Anh **Bùi Văn S**, sinh năm 1995, trú tại: xóm Mỗ, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

36- Anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1987, trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, Kim Bôi, Hòa Bình.(đã chết). Người đại diện hợp pháp là bà Bùi Thị Lệnh, sinh năm 1949, trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, Kim Bôi, Hòa Bình. Vắng mặt.

37- Chị **Bùi Thị Th**, sinh năm 1994, trú tại: xóm Cháo, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

38- Anh **Bùi Đức D**, sinh năm 1997, trú tại: khu Sào, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

39- Chị **Bùi Thị Hương Th**, sinh năm 1976, trú tại: xóm Đầm Rừng, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

40- Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1990, trú tại: xóm Cạm Cỗ, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

41- Anh **Bùi Minh Đ**, sinh năm 1996, trú tại: khu Nội Sung, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

42- Anh **Quách Đình D**, sinh năm 1968, trú tại: xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

43- Chị **Bùi Thị T, sinh** năm 1968, trú tại: xóm Mến Bôi, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

44- Chị **Bùi Thị H, sinh** năm 1980, trú tại: xóm Đồi, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

45- Anh **Bùi Văn T, sinh** năm 1991, trú tại: xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

46- Anh **Bùi Văn Kh, sinh** năm 1990, trú tại: xóm Sào Đông, xã Sào Báy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

47- Chị **Đinh Hồng Th, sinh** năm 1984, trú tại: khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

48- Anh **Bùi Văn Đ, sinh** năm 1980, trú tại: xóm Nghìa, xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

49- Chị **Ngô Thuý H, sinh** năm 1968, trú tại: khu Mớ Đá, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

50- Chị **Bùi Thị M, sinh** năm 1979, trú tại: xóm Láu Ráy, xã Bình Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

51- Anh **Bùi Văn Nh, sinh** năm 1968, trú tại: xóm Mỗ, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/01/2020, Đỗ Văn Ch, trú tại xóm 4, xã Sủ Ngòi, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, bị bắt quả tang về hành vi cưỡng đoạt tài sản tại khu Thống Nhất, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình. Cơ quan Điều tra đã thu giữ được từ Ch02 (hai) giấy cho vay tiền với lãi xuất cao, Chtự giác khai nhận đang làm C việc cho vay lãi và đi thu tiền lãi tại cửa hàng Cầm đồ Kim Bôi, địa chỉ tại: xóm Lục Cả, xã Kim Bình cũ, nay là khu Lục cả, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, do Trịnh Vũ L sinh năm 1984, trú tại: Tổ 2 Phường Chăm Mát cũ, nay là tổ 11, Phường Dân Chủ, thành phố tỉnh Hoà Bình làm chủ. Căn cứ lời khai của Chiến, ngày 07/01/2020 Cơ quan cảnh sát Điều tra C an huyện Kim Bôi, đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Chtại cửa hàng Cầm đồ Kim Bôi, thu giữ được nhiều vật chứng, đồ vật, tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng. Ngay sau khi khám xét, Trịnh Vũ L đã đến Cơ quan cảnh sát Điều tra C an huyện Kim Bôi, xin đầu thú và khai nhận toàn Bộ hoạt động cho vay lãi nặng tại cửa hàng cầm đồ Kim Bôi do L làm chủ. Các bị cáo đều khai nhận: Từ khoảng tháng 10/2018, Trịnh Vũ L mua lại cửa hàng Cầm đồ 28, địa chỉ tại: khu Lục Đồi, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, của một người tên Yên, trú tại phường Chăm Mát, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, với giá 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) rồi đổi tên thành cửa hàng Cầm đồ Kim Bôi và thực hiện việc cho vay lãi nặng cho đến khi bị phát hiện. Để che giấu việc cho vay lãi nặng, Trịnh Vũ L đã thuê Bùi Văn Kh, sinh năm 1998, trú tại khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, là người có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề “dịch vụ cầm đồ” đứng tên cửa hàng và giúp việc cho L. Ngoài

ra L còn thuê: Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr, Bùi Trung K, Bạch C L, đều trú tại huyện Kim Bôi và Đỗ Văn Ch, trú tại thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, hàng ngày giúp L cho vay lãi, thu tiền lãi, ghi chép sổ sách, theo dõi, đốc thúc và trực tiếp đến nhà những người chậm trả lãi để đòi tiền. Tiền C L trả cho Kh, C, K, Tr, L và Ch từ ba đến bốn triệu đồng một tháng. C việc hàng ngày của các bị cáo này là khi có khách đến vay tiền, một trong số các bị cáo giúp việc sẽ liên lạc hỏi ý kiến của L. Sau khi được L đồng ý mới hướng dẫn khách điền các thông tin cá nhân như: Họ tên, năm sinh, địa chỉ, số tiền vay và tên giấy tờ tùy thân đem thế chấp vào giấy vay tiền có nội dung đã được đánh máy sẵn, sau đó khách để lại giấy tờ thế chấp và nhận tiền nhưng không được cầm giấy vay tiền. Khách đến vay tiền và khách đến trả tiền lãi trong ngày đều được ghi vào sổ theo dõi để báo cáo cho L. Trong ngày, nếu có khách vay chậm trả lãi thì một trong số các bị cáo giúp việc sẽ trực tiếp đến nhà người vay để đòi tiền. Các bị cáo C, Kh, Trình, K, L và Ch là những người trực tiếp thực hiện việc cho vay lãi nặng tại cửa hàng cầm đồ Kim Bôi, trong đó C được giao cho quản lý tiền và các loại sổ sách như: “Sổ họ”, “Sổ lãi”, “Sổ theo dõi cho vay hàng ngày”, “Sổ theo dõi cho vay trả góp”. Việc cho vay lãi nặng tại cửa hàng Cầm đồ Kim Bôi được thực hiện bằng hai hình thức “Lãi ngày” và “Bốc họ”.

+ Đối với vay “lãi ngày”, người vay tiền tại cửa hàng cầm đồ Kim Bôi, phải trả lãi là 10.000^d/01 triệu/01 ngày, khi vay cắt lãi trước 10 ngày trừ thẳng vào số tiền vay, cụ thể: cứ vay 1.000.000^d (một triệu đồng) thì cắt lại tiền lãi trước 10 ngày là 100.000^d (một trăm nghìn đồng), người vay còn được cầm về 900.000^d; sau đó cứ 10 ngày người vay phải đến cửa hàng trả lãi một lần là 100.000^d, đến khi nào trả xong tiền gốc thì thôi.

+ Đối với vay “Bốc họ”: Cứ vay 5.000.000^d (năm triệu đồng) thì cắt lại lãi 1.000.000^d (một triệu đồng) người vay được cầm về 4.000.000^d (bốn triệu đồng) và sau đó trong thời gian 50 ngày người vay phải trả đủ số tiền 5.000.000^d (năm triệu đồng) đã vay.

Cơ quan cảnh sát Điều tra C an huyện Kim Bôi có C văn số: 41/CV-CQĐT, đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hòa Bình phối hợp xác định mức lãi suất, tiền lãi và số tiền thu lợi bất chính của hoạt động tín dụng đen. Ngày 13/02/2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hòa Bình, có C văn số: 08/HBI-TTGSNH về việc xác định mức lãi suất, tiền lãi và số tiền thu lợi bất chính của hoạt động tín dụng đen gửi Cơ quan cảnh sát Điều tra C an huyện Kim Bôi, để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Qua Điều tra đã xác định được Trịnh Vũ L cùng các đồng phạm Bùi Văn Kh, Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr, Bùi Trung K, Bạch C L và Đỗ Văn Ch, đã cho 51 cá nhân sau vay tiền lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Từ tháng 3/2019 đến tháng 12/2019, cho ông **Vũ Quang H**, sinh năm 1953, trú tại khu Thống Nhất, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Bốc họ” 05 lần mỗi lần 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng), tổng tiền vay là 125.000.000^d (Một trăm hai mươi lăm triệu). Mỗi lần vay ông H đã trả tiền lãi trước cho L là 5.000.000^d (năm triệu đồng), tổng tiền lãi 05 lần ông H đã trả là 25.000.000^d (hai mươi lăm triệu đồng). Thời hạn trả mỗi lần vay là 50 ngày, mỗi ngày ông H

phải trả cho L 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất ông Hinh đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần; Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự của mỗi lần ông Hinh vay là: $25.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 684.932^d$ (Sáu trăm tám mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $(5.000.000^d - 684.932^d) \times 5 \text{ lần} = 21.575.342^d$ (Hai mươi một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng). Ông H còn nợ **10.000.000^d** tiền gốc.

2. Từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2019, cho bà **Bùi Thị Ch**, sinh năm 1959, trú tại xóm Ve, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi, vay “Bốc hộ” 06 lần, mỗi lần 10.000.000^d (mười triệu đồng), tổng tiền vay là 60.000.000^d (sáu mươi triệu đồng). Mỗi lần vay bà Châm đã trả trước tiền lãi cho L là 2.000.000^d (hai triệu đồng), tổng tiền lãi 06 lần vay đã trả là 12.000.000^d (mười hai triệu đồng). Thời hạn trả mỗi lần vay là 50 ngày, mỗi ngày bà Châm phải trả cho L 200.000^d (hai trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất bà Châm đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự của mỗi lần cho bà Châm vay là: $10.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 273.973^d$ (Hai trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $(2.000.000^d - 273.973^d) \times 6 = 10.356.164^d$ (Mười triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi tư đồng). Bà Ch đã trả đủ tiền gốc.

3. Năm 2019, cho anh **Phùng Minh Kh**, sinh năm 1984, trú tại: Gò Chè, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, vay “Bốc hộ” 03 lần, mỗi lần 15.000.000^d (mười lăm triệu đồng), tổng tiền vay là 45.000.000^d (bốn mươi lăm triệu đồng). Mỗi lần vay anh Kh đã trả trước tiền lãi cho L là 3.000.000^d (Ba triệu đồng), tổng tiền lãi 03 lần vay đã trả là 9.000.000^d (chín triệu đồng). Thời hạn trả mỗi lần vay là 50 ngày, mỗi ngày anh Kh phải trả cho L 300.000^d (ba trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất anh Kh đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự của mỗi lần cho anh Kh vay là: $15.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 410.959^d$ (bốn trăm mười nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $(3.000.000^d - 410.959^d) \times 3 = 7.767.123^d$ (bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba nghìn đồng). Anh Kh đã trả hết tiền gốc.

4. Năm 2019, cho **Hà Thị H**, sinh năm 1971, trú tại: thị trấn Thanh Hà, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, vay “Bốc hộ” 06 lần, mỗi lần 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng), tổng tiền vay là 180.000.000^d (một trăm tám mươi triệu đồng). Mỗi lần vay chị Hải đã trả trước tiền lãi cho L là 6.000.000^d (sáu triệu đồng), tổng tiền lãi 06 lần vay đã trả là 36.000.000^d (ba mươi sáu triệu đồng). Thời hạn trả mỗi lần vay là 50 ngày, mỗi ngày chị Hải phải trả cho L 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân Hàng nhà nước thì lãi suất chị Hải đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy

định tại Điều 468 Bộ luật dân sự của mỗi lần cho chị Hải vay là: $30.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 821.918^d$ (Tám trăm hai mươi một nghìn, chín trăm mười tám đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $(6.000.000^d - 821.918^d) \times 6 = 31.068.492^d$ (Ba mươi một triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng). Chị H đã trả hết tiền gốc.

5. Ngày 10/04/2019 cho chị **Bùi Thị Ph**, sinh năm 1977, trú tại: xóm Gò Kh, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, vay “Bốc họ” 10.000.000^d đồng (mười triệu đồng), chị Phượng đã trả lãi trước cho L 2.000.000^d (hai triệu đồng), thời hạn trả là 50 ngày, mỗi ngày chị Phượng phải trả L 200.000^d (hai trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của ngân hàng nhà nước thì lãi suất chị Phượng đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $10.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 273.973^d$ (hai trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $2.000.000^d - 273.973^d = 1.726.027^d$ (một triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng). Chị Ph còn nợ 4.000.000^d tiền gốc.

6. Ngày 27/02/2019, cho chị **Quách Thị Tú L**, sinh năm 1983, trú tại khu Sào, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Bốc họ” 10.000.000^d (mười triệu đồng), chị Linh đã trả lãi trước cho L 2.000.000^d (hai triệu đồng), mỗi ngày chị L phải trả cho L 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) thời hạn trả là 50 ngày. Đối chiếu với quy định của Ngân hàng nhà nước thì lãi suất chị L đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $10.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 273.973^d$ (hai trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $2.000.000^d - 273.973^d = 1.726.027^d$ (một triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng). Chị L đã trả xong tiền gốc.

7. Ngày 04/01/2019, cho anh **Quách C S**, sinh năm 1978; Trú tại: xóm Bình Tân, xã Nam Thượng – Kim Bôi, vay “Bốc họ” 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng), tiền lãi cắt trước là 4.000.000^d (bốn triệu đồng), sau đó mỗi ngày anh S phải trả cho anh L 400.000^d (Bốn trăm nghìn đồng) trong thời hạn 50 ngày. Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh S đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 648 Bộ luật dân sự là: $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $20.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 547.945^d$ (Năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $4.000.000^d - 547.945^d = 3.452.055^d$ (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng). Anh S chưa trả tiền gốc cho các bị cáo.

8. Ngày 01/07/2019, cho anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm: 1966; trú tại: khu Thành C, thị trấn Bo, Kim Bôi, vay “Bốc họ” 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng), Anh D đã trả lãi luôn cho L 4.000.000^d (bốn triệu đồng), sau đó mỗi ngày anh D phải trả cho anh L 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng) trong thời hạn 50 ngày. Đối chiếu với qui định thì lãi suất anh D đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(146\% : 20\%) =$

7,3 lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $20.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 547.945^d$ (năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $4.000.000^d - 547.945^d = 3.452.055^d$ (ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng). Anh D đã trả tiền gốc.

9. Ngày 01/4/2019, cho anh **Bùi Văn Ch**, sinh năm: 1967; Trú tại: khu Lục Cã, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Bốc họ” 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng), anh Ch đã trả luôn cho L 4.000.000^d (bốn triệu đồng), sau đó mỗi ngày anh Ch phải trả cho L số tiền là 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng) trong thời gian 50 ngày. Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Ch đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $20.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 547.945^d$ (năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $4.000.000^d - 549.945^d = 3.452.055^d$ (ba triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng). Anh Ch đã trả tiền gốc.

10. Ngày 21/11/2019, cho chị **Tạ Thị Hồng Nh**, sinh năm 1992; Trú tại: thị trấn Thắng, Hiệp Hoà, Bắc Giang, vay “Bốc họ” 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng), chị Nh đã trả luôn cho L tiền lãi là 4.000.000^d (bốn triệu đồng), sau đó mỗi ngày chị Nh phải trả cho anh L số tiền là 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng) trong thời hạn 50 ngày. Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị Nh đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $20.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 547.945^d$ (năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $4.000.000^d - 547.945^d = 3.452.055^d$ (ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng). Chị Nh đã trả tiền gốc.

11. Năm 2019, cho anh **Lê Mạnh H**, sinh năm 1981, trú tại khu Đồng Tiến, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay 02 lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vay “Bốc họ” 15.000.000^d (mười lăm triệu đồng) anh H đã trả lãi trước cho L 3.000.000^d (ba triệu đồng), mỗi ngày anh H phải trả cho L 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) thời hạn trả là 50 ngày. Đối chiếu với qui định của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất anh H đã trả cho L tương đương 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(146\% : 20\%) = 7,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $15.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 410.959^d$ (Bốn trăm mười nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $3.000.000^d - 410.959^d = 2.589.041^d$ (hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi mốt đồng).

- Lần thứ hai: Ngày 12/10/2019, vay “Lãi ngày” 5.000.000^d (năm triệu đồng), lãi suất 10.000^d/ 1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh H đã trả lãi cho L 09 lần (90 ngày) là: 4.500.000^d (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất anh H đã trả cho L tương ứng 365% năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là:

$(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $5.000.000^d \times 20\%/365 \times 90 \text{ ngày} = 246.575^d$ (hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $4.500.000^d - 246.575^d = 4.253.425^d$ (bốn triệu, hai trăm năm mươi ba đồng, bốn trăm hai mươi lăm đồng). Tổng số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $2.589.041^d + 4.253.425^d = 6.842.466^d$ (sáu triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Anh H còn nợ **5.000.000^d** tiền gốc.

12. Ngày 04/11/2019, cho chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1984, trú tại khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $5.000.000^d$ (năm triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Chị H đã trả lãi cho Trịnh Vũ L 07 lần (70 ngày) với tổng số là: $3.500.000^d$ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất chị H đã trả cho L tương ứng lãi suất $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $5.000.000^d \times 20\%/365 \times 70 \text{ ngày} = 191.781^d$ (một trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng). Số tiền L và đồng thu lợi bất chính là: $3.500.000^d - 191.781^d = 3.308.219^d$ (ba triệu, ba trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng). Chị H đã trả tiền gốc.

13. Ngày 21/09/2019 cho anh **Bùi Mạnh T**, sinh năm 1990, trú tại: khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $1.000.000^d$ (Một triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Anh T đã trả lãi cho L 10 lần (100 ngày) là $1.000.000^d$ (một triệu đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất anh T đã trả cho L tương ứng lãi suất $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $1.000.000^d \times 20\%/365 \times 100 \text{ ngày} = 54.795^d$ (năm mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.000.000 - 54.795 = 945.205^d$ (Chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm linh năm đồng). Anh T chưa tiền trả gốc.

14. Ngày 27/09/2019, cho anh **Bùi Văn Ch**, sinh năm 1990, trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $5.000.000^d$ (năm triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Ch đã trả lãi cho L 05 lần (50 ngày) là $2.500.000^d$ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất anh Ch đã trả cho L tương ứng mức lãi suất $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $5.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 136.986^d$ (một trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $2.500.000^d - 136.986^d = 2.363.014^d$ (hai triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng). Anh Ch chưa trả tiền gốc.

15. Ngày 05/06/2019, cho ông **Bùi Văn C**, sinh năm 1965, trú tại xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $3.000.000^d$ (ba triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Ông C đã trả lãi cho L 21 lần (210 ngày) là: $6.300.000^d$ (sáu triệu, ba trăm nghìn đồng). Đối chiếu với

quy định của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất ông C đã trả cho L tương ứng mức lãi suất 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 210 \text{ ngày} = 345.205^d$ (ba trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm linh năm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $6.300.000^d - 345.205^d = 5.954.795^d$ (năm triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng). Ông C chưa trả tiền gốc.

16. Từ ngày 09/9 đến ngày 05/11/2019, cho **Đoàn Thị S**, sinh năm 1990, trú tại xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, vay 02 lần “lãi ngày”:

- Lần thứ nhất: Vay 3.000.000^d (ba triệu đồng), lãi suất 10.000^d/1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị S đã trả lãi cho L 05 lần (50 ngày) với tổng số tiền là: 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị S đã trả cho L tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 82.192^d$ (tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi hai đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $1.500.000^d - 82.192^d = 1.417.808^d$ (một triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng).

- Lần thứ hai: Vay 2.000.000^d (Hai triệu đồng), lãi suất 10.000^d/1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị S đã trả lãi cho L 06 lần (60 ngày với tổng số tiền là: 1.200.000^d (một triệu, hai trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất chị S đã trả cho L tương ứng mức lãi suất 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $2.000.000^d \times 20\%/365 \times 60 \text{ ngày} = 65.753^d$ (sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $1.200.000^d - 65.753^d = 1.134.247^d$ (một triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng). Tổng số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính từ chị Sen là: $1.417.808^d + 1.134.247^d = 2.552.055^d$ (hai triệu năm trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng). Chị S chưa trả tiền gốc.

17. Ngày 22/06/2019, cho chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1981, trú tại xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi vay “lãi ngày” 10.000.000^d (mười triệu đồng), lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị B đã trả lãi 01 lần (04 ngày) là: 1.000.000^d (một triệu nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị B đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 912,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(912,5\% : 20\%) = 45,6$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $10.000.000^d \times 20\%/365 \times 4 \text{ ngày} = 21.918^d$ (hai mươi một nghìn, chín trăm mười tám đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.000.000^d - 21.918^d = 978.082^d$ (Chín trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng). Chị B đã trả xong tiền gốc.

18. Từ ngày 08/8 đến ngày 26/10/2019, cho chị **Bùi Thị M**, sinh năm 1991, trú tại xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, vay 02 lần “Lãi ngày”:

- Lần thứ nhất: Vay 1.000.000^d (một triệu đồng), lãi suất 10.000^d/1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị M đã trả lãi 09 lần (90 ngày) với tổng số tiền là: 900.000^d (chín trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị M đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $1.000.000^d \times 20\%/365 \times 90 \text{ ngày} = 49.315$ (bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $9.00.000 - 49.315 = 850.685^d$ (Tám trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng).

- Lần thứ hai: Vay 2.000.000^d (Hai triệu đồng), lãi suất 10.000^d/1 triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị M đã trả lãi 07 lần (70 ngày) với tổng số tiền là: 1.400.000đồng (Một triệu, bốn trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị M đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $2.000.000^d \times 20\%/365 \times 70 \text{ ngày} = 76.712$ (Bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng). Số tiền thu lợi bất chính là: $1.400.000^d - 76.712^d = 1.323.288^d$ (Một triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng). Tổng số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $850.685đ + 1.323.288^d = 2.173.973^d$ (Hai triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng). Chị M chưa trả tiền gốc.

19. Ngày 03/10/2019 cho anh **Bùi Văn Ng**, sinh năm 1996, trú tại: xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” 3.500.000^d (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất là 10.000^d/1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 05 lần (50 ngày) với tổng số tiền là: 1.750.000^d (một triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Ng đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.500.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 95.890^d$ (chín mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.750.000^d - 95.890^d = 1.654.110^d$ (một triệu, sáu trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm mười đồng). Anh Ng đã trả xong tiền gốc.

20. Ngày 30/10/2019, cho anh **Bùi Văn B**, sinh năm: 1987; trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” 5.000.000^d (Năm triệu đồng), lãi suất 10.000^d/1 triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 04 lần (40 ngày) với tổng số tiền là: 2.000.000^d (hai triệu đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Ban đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $5.000.000^d \times 20\%/365 \times 40 \text{ ngày} = 109.589^d$ (một trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $2.000.000^d - 109.589^d = 1.890.411^d$ (một triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng). Anh B chưa trả tiền gốc.

21. Ngày 13/11/2019, cho chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1963, trú tại: xóm Gò Chè, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” 13.000.000^d (Mười ba triệu

đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 01 lần (10 ngày), là: $1.300.000^d$ (một triệu, ba trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chi L đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $13.000.000^d \times 20\%/365 \times 10$ ngày = 71.233^d (bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.300.000^d - 71.233^d = 1.228.767^d$ (một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Chi L đã trả xong gốc.

22. Ngày 12/12/2019, cho anh **Tạ Văn D**, sinh năm: 1975; trú tại: khu Đồng Tiến, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $10.000.000^d$ (mười triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 02 lần (20 ngày) với tổng số tiền là: $1.500.000^d$ (một triệu, năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh D đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 273,8%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(273,8\% : 20\%) = 13,7$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $10.000.000^d \times 20\%/365 \times 20$ ngày = 109.589^d (một trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.500.000^d - 109.589^d = 1.390.411^d$ (một triệu, ba trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng). Anh D chưa trả tiền gốc.

23. Ngày 02/10/2019, cho anh **Bùi Mạnh Q**, sinh năm 1983, trú tại khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $3.000.000^d$ (Ba triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 06 lần (60 ngày) với tổng số tiền là: $1.800.000^d$ (một triệu, tám trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Q đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 60$ ngày = 98.630^d (chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.800.000^d - 98.630^d = 1.701.370^d$ (Một triệu, bảy trăm linh một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng). Anh Q chưa trả tiền gốc.

24. Ngày 06/07/2019, cho anh **Bùi Văn Y**, sinh năm 1997, trú tại xóm Bôi Câu, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $2.000.000^d$ (hai triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 18 lần (180 ngày) với tổng số tiền là: $3.600.000^d$ (ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Yêm đã trả cho L tương ứng mức lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $2.000.000^d \times 20\%/365 \times 180$ ngày = 197.260^d (một trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $3.600.000^d - 197.260^d = 3.402.740^d$ (ba triệu, bốn trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng). Anh Y đã trả tiền gốc.

25. Ngày 10/11/2019, cho chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1972, trú tại khu Lục Cả, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $5.000.000^d$ (Năm triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 06 lần (60 ngày) với tổng số tiền là: $3.000.000^d$ (ba triệu đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị H đã

trả cho L tương ứng với mức lãi suất 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $5.000.000^d \times 20\%/365 \times 60$ ngày = 164.384^d (một trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng). Số L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $3.000.000^d - 164.384^d = 2.835.616^d$ (hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng). Chị H đã trả xong tiền gốc.

26. Ngày 19/09/2019, cho chị **Bùi Thị Th**, sinh năm 1987, trú tại khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi vay “Lãi ngày” $1.000.000^d$ (một triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 09 lần (90 ngày) với tổng số tiền là: 900.000^d (chín trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị Th đã trả cho L tương ứng với mức lãi suất 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $1.000.000^d \times 20\%/365 \times 90$ ngày = 49.315^d (bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $900.000^d - 49.315^d = 850.685^d$ (tám trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng). Chị Th đã trả tiền gốc.

27. Ngày 15/11/2019, cho chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1987, trú tại khu Lục Cỏ, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $2.000.000^d$ (Hai triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 01 lần (10 ngày) là: 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị H đã trả cho L tương ứng với mức lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $2.000.000^d \times 20\%/365 \times 10$ ngày = 10.959^d (mười nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $200.000^d - 10.959^d = 189.041^d$ (một trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng). Chị H đã trả tiền gốc.

28. Ngày 25/02/2019, cho bà **Quách Thị Nh**, sinh năm 1952, trú tại: xóm Thông, xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $20.000.000^d$ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 02 lần (20 ngày) là: $4.000.000^d$ (bốn triệu đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị Nh đã trả cho L tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $20.000.000^d \times 20\%/365 \times 10$ ngày = 219.178^d (hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $4.000.000^d - 219.178^d = 3.780.822^d$ (ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng). Bà Nh đã trả tiền gốc.

29. Ngày 14/10/2018, cho chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1993, trú tại xóm Trờ, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $4.000.000^d$ (Bốn triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/ 1 ngày, 10 ngày trả lãi một. Đã trả lãi 03 lần (30 ngày) với tổng số tiền là: $1.200.000^d$ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị L đã trả cho L tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Số tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $4.000.000^d \times 20\%/365 \times 30$ ngày = 65.753^d (sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng). Số tiền L và

đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.200.000^d - 65.753^d = 1.134.247^d$ (một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng). Chị L chưa trả tiền gốc.

30. Ngày 08/11/2018, cho anh **Bùi Văn Th**, sinh năm 1993, trú tại: xóm Đồi 1, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $2.000.000^d$ (Hai triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi số 04 lần (40 ngày) với tổng số tiền là: 800.000^d (Tám trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Th đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $2.000.000^d \times 20\%/365 \times 40$ ngày = 43.836^d (Bốn mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $800.000^d - 43.836^d = 756.164^d$ (bảy trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng). Anh Th đã trả tiền gốc.

31. Ngày 08/11/2018, cho anh **Nghiêm Vũ H**, sinh năm 1972, trú tại: khu Thành C, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $1.000.000^d$ (Một triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Đã trả lãi 02 lần (20 ngày) là: 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh H trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $1.000.000^d \times 20\%/365 \times 20$ ngày = 10.959^d (mười nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $200.000^d - 10.959^d = 189.041^d$ (một trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng). Anh H đã trả tiền gốc

32. Ngày 01/12/2018, cho cho anh **Bùi Văn Nh**; Sinh năm: 1984; Trú tại: xóm Bái, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi vay “Lãi ngày” $10.000.000^d$ (mười triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Nh đã trả lãi 01 lần (10 ngày) là: $1.000.000^d$ (một triệu đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Nh đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $10.000.000^d \times 20\%/365 \times 10$ ngày = 54.795^d (năm mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.000.000^d - 54.795^d = 945.205^d$ (Chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm linh năm đồng). Anh Nh đã trả tiền gốc.

33. Ngày 10/9/2019 cho anh **Quách Đình Th**; sinh năm 1991, Trú tại: Khu Sào, thị trấn Bo – Kim Bôi, vay “Lãi ngày” số tiền là $4.000.000^d$ (bốn triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Th đã trả lãi 01 lần (10 ngày) là: 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Th đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $4.000.000^d \times 20\%/365 \times 10$ ngày = 21.918^d (hai mươi một nghìn, chín trăm mười tám đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $400.000^d - 21.918^d = 378.082^d$ (ba trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng). Anh Th đã trả tiền gốc.

34. Ngày 01/11/2018, cho anh **Bùi Văn H**; sinh năm: 1994; Trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $1.000.000^d$ (một triệu đồng),

lãi suất $8.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh H đã trả lãi 01 lần (10 ngày) là: 80.000^d (tám mươi nghìn đồng). Đối chiếu với Quy định thì lãi suất anh H đã trả cho L tương đương **365%/năm**, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = \mathbf{18,3}$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $1.000.000^d \times 20\%/365 \times 10$ ngày = 5.479 đồng (năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $80.000^d - 5.479^d = \mathbf{74.521^d}$ (bảy mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi một đồng). Anh H đã trả tiền gốc.

35. Ngày 27/10/2019, cho anh **Bùi Văn S** - Sinh năm 1995; Trú tại: xóm Mỗ, xã Kim Lập, huyện Kim Bôi – Hòa Bình, vay “Lãi ngày” 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh S đã trả lãi cho L 03 lần (30 ngày) là: $1.500.000^d$ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh S đã trả cho L tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = \mathbf{18,3}$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $5.000.000^d \times 20\%/365 \times 30$ ngày = 82.192^d (tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi hai đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.500.000^d - 82.192^d = \mathbf{1.417.808^d}$ (một triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng). Anh S đã trả tiền gốc.

36. Ngày 12/2/2019, cho anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1987; trú tại: xóm Vó Khang, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi vay “Lãi ngày” $1.500.000^d$ (một triệu năm trăm nghìn đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh B đã trả lãi 01 lần (10 ngày) là: 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối chiếu với qui định thì lãi suất anh B đã trả cho L tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = \mathbf{18,3}$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $1.500.000^d \times 20\%/365 \times 10$ ngày = 8.219^d (tám nghìn, hai trăm mười chín đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $150.000^d - 8.219^d = \mathbf{141.781^d}$ (một trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng). Anh B đã trả gốc.

37. Ngày 13/07/2019, cho chị **Bùi Thị Th**; sinh năm – 1994; Trú tại: xóm Cháo, xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $3.000.000^d$ (ba triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị Th đã trả lãi 04 lần (40 ngày) là $1.200.000^d$ (một triệu, hai trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị Th đã trả cho L tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = \mathbf{18,3}$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 40$ ngày = 65.753^d (sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.200.000^d - 65.753^d = \mathbf{1.134.247^d}$ (một triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng). Chị Th chưa trả tiền gốc.

38. Ngày 04/07/2019, cho anh **Bùi Đức D**, sinh năm 1997; Trú tại: khu Sào, thị trấn Bo – Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $5.000.000^d$ (năm triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh D đã trả lãi 13 lần (130

ngày) là: $6.500.000^d$ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất Anh D đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $5.000.000^d \times 20\%/365 \times 130 \text{ ngày} = 356.164^d$ (ba trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $6.500.000^d - 356.164^d = 6.143.836^d$ (sáu triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng). Anh D đã trả tiền gốc.

39. Ngày 03/11/2018, cho chị **Bùi Thị Hương Th**, Sinh năm 1976; Trú tại: xóm Đàm Rừng, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $10.000.000^d$ (Mười triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Chị Th đã trả lãi 03 lần (30 ngày) là: $3.000.000^d$ (ba triệu đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị Th đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $10.000.000^d \times 20\%/365 \times 30 \text{ ngày} = 164.384^d$ (một trăm sáu mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $3.000.000^d - 164.384^d = 2.835.616^d$ (hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng). Chị Th đã trả tiền gốc.

40. Ngày 01/02/2019, cho anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1990; Trú tại: xóm Cắm Cỗ, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $3.000.000^d$ (ba triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Đ đã trả lãi 03 lần (30 ngày) là: 900.000^d (chín trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Đ đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 30 \text{ ngày} = 49.315^d$ (bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $900.000^d - 49.315^d = 850.685^d$ (tám trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng). Anh Đ đã trả tiền gốc.

41. Ngày 02/02/2019, cho anh **Bùi Minh Đ**, sinh năm 1996; Trú tại: khu Nội Sung, thị trấn Bo – Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $3.000.000^d$ (ba triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Đ đã trả lãi 09 lần (90 ngày) là: $2.700.000^d$ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Đ đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 90 \text{ ngày} = 147.945^d$ (một trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $2.700.000^d - 147.945^d = 2.552.055^d$ (hai triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng). Anh Đ chưa trả tiền gốc.

42. Ngày 15/10/2018, cho anh **Quách Đình D**, Sinh năm 1968; Trú tại: xóm Tre Thị, xã Xuân Thủy, Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $2.000.000^d$ (năm triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một

lần. Anh D đã trả lãi 05 lần (50 ngày) là: $1.000.000^d$ (một triệu đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh D đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $2.000.000^d \times 20\%/365 \times 50 \text{ ngày} = 54.795^d$ (năm mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.000.000^d - 54.795^d = 945.205^d$ (chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng). Anh D chưa trả tiền gốc.

43. Ngày 25/10/2018, cho chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1968; Trú tại: xóm Mến Bôi, xã Kim Lập, Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $12.000.000^d$ (Mười hai triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Chị T đã trả lãi 04 lần (40 ngày) là: $4.800.000^d$ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị T đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $12.000.000^d \times 20\%/365 \times 40 \text{ ngày} = 263.014^d$ (hai trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm mười bốn đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $4.800.000^d - 263.014^d = 4.536.986^d$ (bốn triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng). Chị T đã trả tiền gốc.

44. Ngày 17/11/2018, cho chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1980; Trú tại: xóm Đồi, xã Kim Bôi, Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $3.000.000^d$ (ba triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Chị H đã trả lãi 03 lần (90 ngày) là: 900.000^d (chín trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị H đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 30 \text{ ngày} = 49.315^d$ (bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $900.000^d - 49.315^d = 850.685^d$ (tám trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng). Chị H chưa trả tiền gốc.

45. Ngày 07/12/2018, cho anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1991; Trú tại xã Kim Lập – Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $3.000.000^d$ (Ba triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Anh T đã trả lãi 01 lần (10 ngày) là: 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh T đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 10 \text{ ngày} = 16.438^d$ (Mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $300.000^d - 16.438^d = 283.562^d$ (Hai trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng). Anh T đã trả tiền gốc.

46. Ngày 08/05/2019, cho anh **Bùi Văn Kh**, sinh năm 1990; Trú tại: xóm Sào Đông, xã Sào Báy – Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $5.000.000^d$ (Năm triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Kh đã trả lãi 01 lần (10 ngày) là: 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Kh đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất

quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $5.000.000^d \times 20\%/365 \times 10$ ngày = 16.438^d (Mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $500.000^d - 27.397^d = 472.603^d$ (Bốn trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng). Anh Kh chưa trả tiền gốc.

47. Ngày 24/07/2019, cho chị **Đinh Hồng Th**, sinh năm 1984; Trú tại: khu Bo, thị trấn Bo, Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $12.000.000^d$ (mười hai triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị Th đã trả lãi 03 lần (30 ngày) là: $3.600.000^d$ (ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị Th đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $12.000.000^d \times 20\%/365 \times 30$ ngày = 197.260^d (một trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $3.600.000^d - 197.260^d = 3.402.740^d$ (ba triệu bốn trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng). Chị Th đã trả tiền gốc.

48. Ngày 06/03/2019, cho anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1980; Trú tại: xóm Nghia, xã Cuôi Hạ, Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $4.000.000^d$ (bốn triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Đ đã trả lãi 06 lần (60 ngày) là: $2.400.000^d$ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Đ đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $4.000.000^d \times 20\%/365 \times 40$ ngày = 131.507^d (một trăm ba mươi một nghìn, năm trăm linh bảy đồng). Đã trả gốc. Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $2.400.000^d - 131.507^d = 2.268.493^d$ (hai triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng). Anh Đ đã trả tiền gốc.

49. Ngày 01/12/2018, cho chị **Ngô Thuý H**, sinh năm 1968; Trú tại khu Mớ Đá, thị trấn Bo, Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $2.000.000^d$ (Hai triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị H đã trả lãi 09 lần (90 ngày) là: $1.800.000^d$ (một triệu tám trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị H đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự là: $2.000.000^d \times 20\%/365 \times 90$ ngày = 98.630^d (chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $1.800.000^d - 98.630^d = 1.701.370^d$ (một triệu, bảy trăm linh một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng). Chị H chưa trả tiền gốc.

50. Ngày 19/12/2019, cho chị **Bùi Thị M**, sinh năm 1968; Trú tại xóm Láu Ráy, xã Bình Sơn – Kim Bôi, vay “Lãi ngày” $3.000.000^d$ (ba triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1$ triệu/1 ngày, 10 ngày trả lãi một lần. Chị M đã trả lãi 01 lần (10 ngày) là: 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất chị M đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính

theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $3.000.000^d \times 20\%/365 \times 20 \text{ ngày} = 32.877^d$ (ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $600.000^d - 32.877^d = 567.123^d$ (năm trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi ba đồng). Chị M đã trả tiền gốc.

51. Ngày 17/10/2019, cho anh **Bùi Văn Nh**, sinh năm 1981, Trú tại: xóm Mỗ, xã Kim Lập, Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình vay “Lãi ngày” $15.000.000^d$ (Mười lăm triệu đồng), lãi suất $10.000^d/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày}$, 10 ngày trả lãi một lần. Anh Nh đã trả lãi 08 lần (80 ngày) là: $12.000.000^d$ (mười hai triệu đồng). Đối chiếu với quy định thì lãi suất anh Nh đã trả cho L tương đương $365\%/năm$, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $(365\% : 20\%) = 18,3$ lần. Tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là: $15.000.000^d \times 20\%/365 \times 80 \text{ ngày} = 657.534^d$ (sáu trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng). Số tiền L và đồng phạm thu lợi bất chính là: $12.000.000^d - 657.534^d = 11.342.466^d$ (mười một triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Anh Nh đã trả tiền gốc.

Như vậy, từ tháng 10/2018 đến ngày 06/01/2020, thông qua 70 giao dịch dân sự, Trịnh Vũ L và các đồng phạm đã cho **51** cá nhân có tên nêu trên vay lãi nặng với tổng số tiền cho vay là: **741.000.000^d** (Bảy trăm bốn mươi một triệu đồng). Trong đó có **10** cá nhân vay bằng hình thức “Bốc hộ” với lãi suất là **146%/năm**, vượt mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự **7,3** lần; có **41** cá nhân vay “Lãi ngày” với lãi suất là **365%/năm**, vượt mức lãi được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự **18,3** lần. Tổng số tiền lãi mà Trịnh Vũ L và các đồng phạm đã thu được từ việc cho vay lãi nặng là: **194.240.000** (*Một trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó, tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là: **19.276.713^d** (*Mười chín triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười ba đồng*); số tiền thu lợi bất chính là: **174.963.287^d** (*Một trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng*). Đến ngày 06/01/2019, có **37** cá nhân đã trả tiền gốc cho L và các đồng phạm với số tiền là: **650.000.000^d** (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Còn lại 19 cá nhân chưa trả tiền gốc cho L với số tiền là: **91.000.000^d** (Chín mươi một triệu đồng), cụ thể: Vũ Quang H nợ: $10.000.000^d$ (Mười triệu đồng); Bùi Thị Ph nợ: $4.000.000^d$ (Bốn triệu đồng); Lê Mạnh H nợ: $5.000.000^d$ (Năm triệu đồng); Bùi Văn Ch nợ: $5.000.000^d$ (Năm triệu đồng); Bùi Mạnh T còn nợ $1.000.000^d$ (Một triệu đồng); Bùi Văn C nợ: $3.000.000^d$ (Ba triệu đồng); Bùi Thị L nợ: $4.000.000^d$ (Bốn triệu đồng); Đoàn Thị S nợ: $2.000.000^d$ (Hai triệu đồng); Bùi Thị M nợ: $1.000.000^d$ (một triệu đồng); Quách C S còn nợ $20.000.000$ đ (hai mươi triệu đồng); Bùi Văn B nợ: $5.000.000^d$ (Năm triệu đồng); Tạ Văn D nợ: $10.000.000^d$ (Mười triệu đồng); Bùi Mạnh Q còn nợ $3.000.000^d$ (Ba triệu đồng); Bùi Thị Th nợ: $3.000.000^d$ (Ba triệu đồng); Bùi Minh Đ nợ: $3.000.000^d$ (Ba triệu đồng); Quách Đình D nợ: $2.000.000^d$ (Hai triệu đồng); Bùi Thị H nợ: $3.000.000^d$ (Ba triệu đồng); Bùi Văn Kh nợ: $5.000.000^d$ (Năm triệu đồng) và Ngô Thuý H nợ: $2.000.000^d$ (Hai triệu đồng).

Qua Điều tra xác định: Còn có **82** cá nhân khác là những người có tên trong giấy vay tiền đã thu giữ được tại cửa hàng cầm đồ Kim Bôi. Tuy nhiên các giấy vay tiền đối với 82 cá nhân này được lập từ các năm 2015, 2016 và 2017. Quá trình Điều tra không có đủ chứng cứ chứng minh Trịnh Vũ L và các đồng phạm đã

cho 82 cá nhân nêu trên vay lãi nặng. Vì có nhiều cá nhân khẳng định không được vay tiền tại cửa hàng cầm đồ Kim Bôi; nhiều cá nhân thừa nhận được vay tiền từ cửa hàng cầm đồ Kim Bôi nhưng khẳng định không được vay từ các bị cáo trong vụ án. Vì vậy không có đủ căn cứ để buộc Trịnh Vũ L và các đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản vay của 82 cá nhân có tên trên.

Ngoài ra còn có **57** cá nhân khác là những người có tên trong giấy vay tiền mà Cơ quan Điều tra đã thu giữ được trong quá trình khám xét nơi làm việc của Trịnh Vũ L và đồng phạm tại cửa hàng cầm đồ Kim Bôi. Tuy nhiên quá trình Điều tra vụ án, mặc dù đã được cơ quan Điều tra triệu tập nhiều lần nhưng những cá nhân này không đến cơ quan Điều tra làm việc theo giấy triệu tập hoặc không có mặt tại địa phương nơi cư trú. Vì vậy, không có đủ căn cứ để buộc Trịnh Vũ L và các đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản vay của 57 cá nhân này.

Có **13** cá nhân khác có tên trong giấy vay tiền đã thu giữ được trong quá trình khám xét tại cửa hàng Cầm đồ Kim Bôi. Tuy nhiên quá trình Điều tra xác định những người có tên và địa chỉ nêu trên không có trong thực tế, vì vậy không có căn cứ để buộc Trịnh Vũ L và các đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các khoản vay của 13 cá nhân không có thật này.

Về vật chứng vụ án: Quá trình Điều tra, cơ quan Điều tra đã thu giữ 64 giấy chứng minh nhân dân 33 sổ hộ khẩu; 03 bảo hiểm mô tô, xe máy; 01 quyền hộ chiếu; 01 thẻ giáo viên; 02 giấy chứng nhận tập huấn lái xe; 01 thẻ sinh viên; 01 thẻ METRO; 04 thẻ Hội viên các loại; 08 giấy phép lái xe mô tô; 02 thẻ bảo hiểm y tế; 01 thẻ nhân viên; 34 sổ theo dõi trả góp; 514 giấy vay tiền; 01 máy tính cầm tay; 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 giấy xác nhận của UBND thị trấn Bo; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 Bộ hồ sơ kinh doanh; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Các vật chứng trên được xử lý như sau:

* Các vật chứng được trả lại cho chủ sở hữu, gồm:

- Trả lại cho Trịnh Vũ L 02 (một) tờ tiền polime VNĐ, trong đó một tờ có mệnh 100.000^d; 01 có mệnh giá 50.000^d là tiền cá nhân của Trịnh Vũ L không liên quan đến việc cho vay lãi nặng.

Trả lại các giấy tờ tùy thân và các loại giấy tờ khác cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo tên trên giấy tờ.

* Các vật chứng được đánh số bút lục chuyển theo hồ sơ vụ án gồm:

- 11 quyển sổ khổ A4 bìa màu xanh, màu nâu và màu đỏ. trong đó: có 04 quyển bìa màu xanh, 01 quyển bìa màu nâu và 01 quyển bìa màu đỏ. Phía ngoài bìa sổ màu xanh có ghi “Sổ họ - Sổ 01” “Sổ lái”, “Sổ 03”, “Sổ 2” sổ màu đỏ ghi “2017”. Bên trong 04 quyển bìa màu xanh, 01 quyển bìa màu nâu và 01 quyển bìa màu đỏ có ghi nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng.

- 01 quyển sổ khổ A4, bìa màu xanh ngoài bìa ghi “SỔ QUẢN LÝ KINH DOANH DỊCH VỤ CẦM ĐỒ”.

- 01 quyển sổ GIÁO ÁN, khổ A4, bên trong không có chữ.

- 34 sổ theo dõi cho vay trả góp. Trong đó có 27 sổ không ghi nội dung, 07 sổ có ghi
- 01 quyển sổ có bìa nhựa trong suốt màu trắng, bên trong không ghi nội dung gì.
- 09 quyển sổ ghi chép cá nhân bìa cứng màu đen, màu nâu và màu đỏ.
- 01 (một) quyển sổ ghi chép cá nhân khổ A4 bìa có in hình hoa văn màu tím, nhãn hiệu PHUC VINH L, VL-CK9, Remark, bên trong không có chữ.
- 02 quyển sổ ghi chép cá nhân khổ A4 màu tím và màu đen.
- 105 (một trăm linh năm) tờ giấy vay tiền và hợp đồng dịch vụ thuê xe máy không ghi nội dung.
- 409 (bốn trăm linh chín) giấy vay tiền và hợp đồng dịch vụ thuê xe máy có ghi nội dung liên quan đến việc cho vay lãi nặng.
- 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 25.F8.004.331 mang tên Bùi Văn Kh, sinh ngày: 28/08/1998, trú tại: xã Kim Bình, Kim Bôi, Hòa Bình.
- 02 (hai) phương án chữa cháy cơ sở mang tên cơ sở: Cầm đồ Kim Bôi, địa chỉ: xóm Lục Cả, Kim Bình, Kim Bôi, Hòa Bình.

- 01 (một) Bộ hồ sơ: Trong đó bao gồm 01 (một) sơ yếu lý lịch tự thuật mang tên Bùi Văn Kh, sinh năm: 1998, trú tại: xóm Bo – Kim Bình – Kim Bôi – Hòa Bình; 02 (hai) biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy; 01 (một) Phiếu lý lịch tư pháp số 2 mang tên Bùi Văn Kh; 02 (hai) báo cáo tình hình kết quả thực hiện các quy định về an ninh, trật tự trong cơ sở kinh doanh; 02 (hai) Bản khai lý lịch của người làm ngành, nghề đầu tư kinh doanh có Điều kiện về an ninh trật tự; 01 (một) biên bản giao nhận giấy chứng nhận đủ Điều kiện về an ninh trật tự; 01 (một) biên lai thu tiền phạt số 0002528 mang tên Bùi Văn Kh; 01 (một) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32 đối với Bùi Văn Kh; 01 (một) biên bản kiểm tra cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có Điều kiện về ANTT; 01 (một) biên bản vi phạm hành chính đối với Bùi Văn Kh; 01 (một) biên bản kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, kinh doanh tài chính; 02 (hai) danh sách người làm trong cơ sở kinh doanh có Điều kiện về an ninh trật tự chưa ghi thông tin.

* Các vật chứng được chuyển giao đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, để bảo quản chờ xử lý theo qui định của pháp luật, gồm: Tiền mặt 3.450.000^d (Ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ từ Đỗ Văn Ch; 01 (một) máy tính cầm tay, nhãn hiệu FLEXIO, CAL-03S; 01 (một) ống tuýp bằng kim loại gắn lưỡi dao kích thước dài 95cm, phần lưỡi dao dài 20cm; 01 (một) ống tuýp bằng kim loại gắn lưỡi dao kích thước dài 97cm, phần lưỡi dao dài 22cm

Cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 08/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kim Bôi, truy tố Trịnh Vũ L và các đồng phạm về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi giữ nguyên quyết định truy tố của cáo trạng, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả, hành vi phạm

tội của các bị cáo, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh Vũ L, Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr, Bùi Trung K, Bạch C L, Đỗ Văn Ch và Bùi Văn Kh phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị:

Trách nhiệm hình sự:

* Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Vũ L từ 07 đến 09 tháng tù.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn Kh từ 06 đến 08 tháng tù;

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Ch từ 06 đến 08 tháng tù.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn Tr và bị cáo Bùi Trung K mỗi bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bạch C L từ 05 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo.

* **Về hình phạt bổ sung:** Quá trình Điều tra xác định, gia đình bị cáo Trịnh Vũ L thuộc diện hộ cận nghèo. Bị cáo L và 06 đồng phạm trong vụ án đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Vì vậy Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

* **Về tang vật vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu xuất huỷ 02 (hai) ống tuýp bằng kim loại có gắn lưỡi dao, trong đó 01 ống tuýp dài 95^{cm}, phần lưỡi dao dài 20^{cm}; 01 (một) ống tuýp dài 97cm, phần lưỡi dao dài 22cm, 01 (một) máy tính cầm tay, nhãn hiệu FLEXIO, CAL-03S không còn giá trị sử dụng, thu giữ được trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi làm việc của các bị cáo, hiện đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: **3.450.000^d** thu giữ từ bị cáo Đỗ Văn Ch, là tiền do Ch phạm tội mà có.

* **Biện pháp tư pháp:**

- Buộc bị cáo Trịnh Vũ L phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền **650.000.000^d** (sáu trăm năm mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội cho vay lãi nặng bị cáo đã thu lại từ những người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

- Buộc bị cáo Trịnh Vũ L phải nộp vào ngân sách nhà nước **19.276.713^d** (*Mười chín triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười ba đồng*) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc là **91.000.000^d** (*chín mươi một triệu đồng*) là phương tiện phạm tội mà 19 người vay còn nợ lại chưa trả cho các bị cáo, cụ thể:

STT	Họ và tên	Số tiền phải nộp sung vào NS
1.	Lê Mạnh H	5.000.000
2.	Vũ Quang H	10.000.000
3.	Bùi Mạnh T	1.000.000
4.	Bùi Văn Ch	5.000.000
5.	Quách Văn S	20.000.000
6.	Bùi Thị Ph	4.000.000
7.	Bùi Văn C	3.000.000
8.	Đoàn Thị S	2.000.000
9.	Bùi Thị M	1.000.000
10.	Bùi Văn B	5.000.000
11.	Tạ Văn D	10.000.000
12.	Bùi Mạnh Q	3.000.000
13.	Bùi Thị L	4.000.000
14.	Bùi Thị Th	3.000.000
15.	Bùi Minh Đ	3.000.000
16.	Quách Đình D	2.000.000
17.	Bùi Thị H	3.000.000
18.	Bùi Văn Kh	5.000.000
19.	Ngô Thuý H	2.000.000
Tổng số		91.000.000

Tại phiên tòa đã làm rõ bà Quách Thị Nh khai đã trả lãi cho các bị cáo hai lần với số tiền là 3.780.822 (*ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*) cần buộc bị cáo trả lại cho bà Nhung; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Quách Đình Th không yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền thu lời bất chính là 378.082 (*ba trăm bảy tám nghìn, không trăm tám mươi hai nghìn*), vì vậy không đề cập giải quyết.

- Buộc bị cáo Trịnh Vũ L phải trả lại cho **50** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lời bất chính **176.475.616^d** (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*) có được từ việc phạm tội.

Cụ thể:

TT	Họ tên người vay	Tiền lãi vượt quy định (thu lời bất chính) trả lại cho người vay
1	Vũ Quang H	21.575.342
2	Bùi Thị Ch	10.356.164
3	Phạm Thị H	3.308.219
4	Phùng Minh Kh	7.767.123
5	Hà Thị H	31.068.492
6	Bùi Thị Ph	1.726.027
7	Quách Thị Tú L	1.726.027
8	Quách C S	3.452.055
9	Nguyễn Tiến D	3.452.055
10	Bùi Văn Ch	3.452.055
11	Tạ Thị Hồng Nh	3.452.055
12	Lê Mạnh H	6.842.466
13	Bùi Mạnh T	945.205
14	Bùi Văn Ch	2.363.014
15	Bùi Văn C	5.954.795
16	Đoàn Thị S	2.552.055
17	Bùi Thị B	978.082
18	Bùi Thị M	2.173.973
19	Bùi Văn Ng	1.654.110
20	Bùi Văn B	1.890.411
21	Phạm Thị L	1.228.767

22	Tạ Văn D	1.390.411
23	Bùi Mạnh Q	1.701.370
24	Bùi Văn Y	3.402.740
25	Bùi Thị H	2.835.616
26	Bùi Thị Th	850.685
27	Bùi Thị H	189.041
28	Quách Thị Nh	3.780.822
29	Bùi Thị L	1.134.247
30	Bùi Văn Th	756.164
31	Nghiêm Vũ H	49.041
32	Bùi Văn Nh	945.205
33	Bùi Văn H	74.521
34	Bùi Văn S	1.417.808
35	Bùi Thị Lẻnh	141.781
36	Bùi Thị Th	1.134.247
37	Bùi Đức D	6.143.836
38	Bùi Thị Hương Th	2.835.616
39	Bùi Văn Đ	850.685
40	Bùi Minh Đ	2.552.055
41	Quách Đình D	945.205
42	Bùi Thị T	4.536.986
43	Bùi Thị H	850.685
44	Bùi Văn T	283.562
45	Bùi Văn Kh	472.603
46	Đình Hồng Th	3.402.740
47	Bùi Văn Đ	2.268.493

48	Ngô Thuý H	1.701.370
49	Bùi Thị M	567.123
50	Bùi Văn Nh	11.342.466
		176.475.616

*** Về án phí:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 NQ số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Đối với người đàn ông tên Yên, quá trình Điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch và địa chỉ. Vì vậy không có căn cứ để Điều tra truy xét, xử lý đối với người này.

Các bị cáo thừa nhận hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận, nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có ý K tranh luận, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra C an huyện Kim Bôi, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Từ khoảng tháng 10/2018, Trịnh Vũ L mua lại cửa hàng Cẩm đồ 28, địa chỉ tại: khu Lục Đồi, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, của một người tên Yên, trú tại phường Chăm Mát, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, với giá 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) rồi đổi tên thành cửa hàng Cẩm đồ Kim Bôi và thực hiện việc cho vay lãi nặng cho đến khi bị phát hiện. Để che giấu việc cho vay lãi nặng, Trịnh Vũ L đã thuê Bùi Văn Kh, sinh năm 1998, trú tại khu Bo, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, là người có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề “dịch vụ cầm đồ” đứng tên cửa hàng và giúp việc cho L. Ngoài ra L còn thuê: Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr, Bùi Trung K, Bạch C L, đều trú tại huyện Kim Bôi và Đỗ Văn Ch, trú tại thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, hàng ngày giúp L cho vay lãi, thu tiền lãi, ghi chép sổ sách, theo dõi, đốc thúc và trực tiếp đến nhà những người chậm trả lãi để gây áp lực đòi tiền. Tiền C L trả cho Kh, C K, Trình, L và Chtừ ba đến bốn triệu đồng một tháng. C việc của hàng ngày của các bị cáo

này là khi có khách đến vay tiền, một trong số các bị cáo giúp việc sẽ liên lạc hỏi ý kiến của L. Sau khi được L đồng ý mới hướng dẫn khách điền các thông tin cá nhân như: Họ tên, năm sinh, địa chỉ, số tiền vay và tên giấy tờ tùy thân đem thể chấp vào giấy vay tiền có nội dung đã được đánh máy sẵn, sau đó khách để lại giấy tờ thể chấp và nhận tiền nhưng không được cầm giấy vay tiền. Khách đến vay tiền và khách đến trả tiền lãi trong ngày đều được ghi vào sổ theo dõi để báo cáo cho L. Trong ngày, nếu có khách vay chậm trả lãi thì một trong số các bị cáo giúp việc sẽ trực tiếp đến nhà người vay để gây áp lực đòi tiền. Các bị cáo C, Kh, Trình, K, L và Ch là những người trực tiếp thực hiện việc cho vay lãi nặng tại cửa hàng cầm đồ Kim Bôi, trong đó C được giao cho quản lý tiền và các loại sổ sách như: “Sổ họ”, “Sổ lãi”, “Sổ theo dõi cho vay hàng ngày”, “Sổ theo dõi cho vay trả góp”. Việc cho vay lãi nặng tại cửa hàng Cầm đồ Kim Bôi được thực hiện bằng hai hình thức “Lãi ngày” và “Bốc họ”. Trình Vũ L soạn sẵn giấy vay nợ theo mẫu, yêu cầu người vay điền chỉ, ký tên và thể chấp các giấy tờ tùy thân như Chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

Phương thức cho vay cụ thể như sau:

+ Đối với vay “lãi ngày”, người vay tiền tại cửa hàng cầm đồ Kim Bôi, phải trả lãi là 10.000^d/01 triệu/01 ngày, khi vay cắt lãi trước 10 ngày trừ thẳng vào số tiền vay, cụ thể: cứ vay 1.000.000^d (Một triệu đồng) thì cắt lại tiền lãi trước 10 ngày là 100.000^d (một trăm nghìn đồng), người vay còn được cầm về 900.000^d; sau đó cứ 10 ngày người vay phải đến cửa hàng trả lãi một lần là 100.000^d, đến khi nào trả xong tiền gốc thì thôi.

+ Đối với vay “Bốc họ”: Cứ vay 5.000.000^d (năm triệu đồng) thì cắt lại lãi 1.000.000^d (Một triệu đồng) người vay được cầm về 4.000.000^d (bốn triệu đồng) và sau đó trong thời gian 50 ngày người vay phải trả đủ số tiền 5.000.000^d (năm triệu đồng) đã vay.

Như vậy: Kết quả thẩm vấn C khai tại phiên tòa đã xác định: Từ tháng 10/2018 đến tháng 01/2019, Trình Vũ L đã thuê và chỉ đạo Bùi Văn Kh, Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr, Bùi Trung K, Bạch C L, và Đỗ Văn Ch, cho 51 cá nhân vay lãi nặng với tổng số tiền cho vay là: **741.000.000^d** (Bảy trăm bốn mươi một triệu đồng). Trong đó có 10 cá nhân vay lãi nặng bằng hình thức “Bốc họ” với lãi suất là 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 7,3 lần; có 41 cá nhân vay lãi nặng bằng hình thức vay “Lãi ngày” với lãi suất là 365%/năm, vượt quá mức lãi cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 18,3 lần. Tính đến ngày 06/01/2019, đã có 34 cá nhân trả tiền gốc cho L và các đồng phạm với số tiền là: **650.000.000^d** (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), còn lại 19 cá nhân chưa trả tiền gốc cho L với số tiền là: **91.000.000^d** (Chín mươi một triệu đồng). Tổng số tiền lãi mà Trình Vũ L và các đồng phạm đã thu được từ việc cho vay lãi nặng là: **196.130.411** (Một trăm chín mươi sáu triệu, một trăm ba mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng). Trong đó, tiền lãi hợp pháp tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự là: **19.276.713^d** (Mười chín triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười ba đồng); tiền lãi vượt mức quy định của pháp luật, các bị cáo thu lợi bất chính là: **176.862.698^d** (Một trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm chín tám đồng).

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của C dân.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình Điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi truy tố các bị cáo về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để cho vay cao hơn gấp nhiều lần lãi suất mà pháp luật quy định từ 7,3 lần đến 45 lần. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của C dân mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo cho vay đối với nhiều người thu lợi bất chính số tiền **196.130.411** (*Một trăm chín mươi sáu triệu, một trăm ba mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng*) là tình tiết định khung của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch Dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi đã truy tố là có căn cứ pháp luật. Do đó cần phải có một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục đồng thời phòng ngừa chung cho xã Hội.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trịnh Vũ L giữ vai trò là người cầm đầu chỉ đạo và đầu tư toàn Bộ vốn cho hoạt động cho vay lãi nặng, bị cáo thuê và trả C cho các bị cáo khác để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Do đó bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Đối với các bị cáo khác giữ vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, thực hiện hành vi cho vay lãi, thu tiền lãi, ghi chép sổ sách, theo dõi, đốc thúc và trực tiếp đến nhà những người chậm trả lãi để gây áp lực đòi tiền các bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm cùng với bị cáo L theo khoản 2 Điều 201 BLHS. Tuy nhiên mức độ đồng phạm khác nhau và phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo L.

Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Trịnh Vũ L: Bị cáo sau khi phạm tội đã tự giác ra đầu thú, quá trình Điều tra và giải quyết vụ án bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều

51 Bộ luật hình sự có thể áp dụng cho bị cáo. Xét vai trò của bị cáo trong vụ án cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã Hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Bùi Văn Kh: Bị cáo được L thuê đứng tên đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ và tham gia hoạt động cho vay, Kh được L trả C 3 – 4 triệu /tháng. Sau khi có quyết định khởi tố bị cáo, được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã bỏ trốn, cơ quan Điều tra đã ra quyết định truy nã, bị cáo Kh bị bắt theo lệnh truy nã hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ C an huyện Kim Bôi. Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự có thể áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã Hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Đỗ Văn Ch là đồng phạm tham gia với vai trò tích cực đi thu hồi tiền lãi và tiền gốc của những người vay, Ch được L trả C 3 – 4 triệu/tháng, ngày 06/01/2020, Ch bị bắt quả tang về hành vi cưỡng đoạt tài sản tại khu Thống Nhất, thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình và đã bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi tuyên phạt 12 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đỗ Văn Ch đã chấp hành xong bản án. Khi bị bắt Đỗ Văn Ch đã tự giác khai nhận mình đang làm thuê cho hiệu cầm đồ của Trịnh Vũ L, căn cứ lời khai của Cơ quan Điều tra đã khám phá ra vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các bị cáo, quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình do đó cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã Hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr, Bùi Trung K, Bạch C L tham gia làm thuê cho bị cáo L trong thời gian ngắn. Các bị cáo phạm tội đồng phạm giúp sức với vai trò thứ yếu, quá trình Điều tra và giải quyết vụ án các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự có thể áp dụng cho các bị cáo. Các bị cáo C, K, Tr đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được xóa, hết thời hạn bị coi là có tiền sự nên các bị cáo được coi là không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng do đó không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã Hội cũng đủ để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- Đối với số tiền gốc bị cáo Trịnh Vũ L sử dụng vào việc cho vay lãi nặng tổng cộng là **741.000.000^d** (*bảy trăm bốn mươi một triệu đồng*) sử dụng là C cụ phương tiện phạm tội, cho **51** cá nhân vay lãi nặng để thu lợi bất chính, trong đó bị cáo đã thu được lại được : **650.000.000^d** (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*): đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội cần truy thu xung vào Ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Trịnh Vũ L phải nộp vào ngân sách nhà nước **19.276.713^d** (Mười chín triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười ba đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tại phiên tòa đã làm rõ bà Quách Thị Nh khai đã trả lãi cho các bị cáo hai lần với số tiền là 3.780.822 (ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Quách Đình Th không yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền thu lời bất chính là 378.082 (ba trăm bảy tám nghìn, không trăm tám mươi hai nghìn), vì vậy không đề cập giải quyết.

- Buộc bị cáo Trịnh Vũ L phải trả lại cho **50** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lời bất chính **176.475.616^d** (Một trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng) có được từ việc phạm tội.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Trịnh Vũ L có giao nộp cho Tòa án một số tài liệu là đơn của một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thể hiện việc không yêu cầu Trịnh Vũ L trả lại số tiền lãi cao đã trả cho các bị cáo trước đó. Tất cả các tài liệu đó đều không có sự xác nhận của UBND nơi người đó cư trú, tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có căn cứ để chấp nhận những tài liệu chứng cứ do bị cáo cung cấp.

Xử lý vật chứng:

- Vật chứng là 2 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 50.000 đồng thu giữ của bị cáo L là tiền của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội đã trả lại cho bị cáo L, các loại giấy tờ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cơ quan Điều tra đã xử lý trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại giai đoạn Điều tra là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Các vật chứng được đánh số bút lục chuyển theo hồ sơ vụ án được sắp xếp những vật chứng có giá trị chứng minh tội phạm được lưu giữ theo hồ sơ vụ án, vật chứng là một số loại sổ sách thu tại của hàng nhưng không ghi nội dung gì, không có giá trị chứng minh tội phạm đã được chuyển sang cơ quan thi hành án cần tịch thu tiêu hủy.

- Các vật chứng được chuyển giao đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi gồm: Tiền mặt 3.450.000^d (Ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ từ Đỗ Văn Ch là tiền phạm tội mà có cần tịch thu xung vào Ngân sách nhà nước; 01 (một) máy tính cầm tay, nhãn hiệu FLEXIO, CAL-03S; 01 (một) ống tuýp bằng kim loại gắn lưỡi dao kích thước dài 95cm, phần lưỡi dao dài 20cm; 01 (một) ống tuýp bằng kim loại gắn lưỡi dao kích thước dài 97cm, phần lưỡi dao dài 22cm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Vũ L, Bùi Văn Kh, Đỗ Văn Ch, Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr, Bùi Trung K, Bạch C L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Vũ L 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 07/01/2019 đến ngày 13/01/2019).

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn Kh 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt theo lệnh truy nã ngày 28/12/2020;

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Ch 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn Tr 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Trung K 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bạch C L 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bo, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Trung K cho Ủy ban nhân dân xã Kim Bôi, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Bạch C L cho Ủy ban nhân dân xã Đú Sáng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về hình phạt bổ sung:** Quá trình Điều tra xác định, gia đình bị cáo Trịnh Vũ L thuộc diện hộ cận nghèo. Bị cáo L và 06 đồng phạm trong vụ án đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

3. Biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Trịnh Vũ L phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền **650.000.000^d** (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) là phương tiện phạm tội cho vay lãi nặng bị cáo đã thu lại từ những người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

- Buộc bị cáo Trịnh Vũ L phải nộp vào ngân sách nhà nước **19.276.713^d** (*Mười chín triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười ba đồng*) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trịnh Vũ L phải trả lại cho **50** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lời bất chính **176.475.616^d** (*Một trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*) có được từ việc phạm tội. Cụ thể:

TT	Họ tên người vay	Tiền lãi vượt quy định (thu lời bất chính) trả lại cho người vay
1	Vũ Quang H	21.575.342
2	Bùi Thị Ch	10.356.164
3	Phạm Thị H	3.308.219
4	Phùng Minh Kh	7.767.123
5	Hà Thị H	31.068.492
6	Bùi Thị Ph	1.726.027
7	Quách Thị Tú L	1.726.027
8	Quách C S	3.452.055
9	Nguyễn Tiến D	3.452.055
10	Bùi Văn Ch	3.452.055
11	Tạ Thị Hồng Nh	3.452.055
12	Lê Mạnh H	6.842.466
13	Bùi Mạnh T	945.205
14	Bùi Văn Ch	2.363.014
15	Bùi Văn C	5.954.795
16	Đoàn Thị S	2.552.055
17	Bùi Thị B	978.082

18	Bùi Thị M	2.173.973
19	Bùi Văn Ng	1.654.110
20	Bùi Văn B	1.890.411
21	Phạm Thị L	1.228.767
22	Tạ Văn D	1.390.411
23	Bùi Mạnh Q	1.701.370
24	Bùi Văn Y	3.402.740
25	Bùi Thị H	2.835.616
26	Bùi Thị Th	850.685
27	Bùi Thị H	189.041
28	Quách Thị Nh	3.780.822
29	Bùi Thị L	1.134.247
30	Bùi Văn Th	756.164
31	Nghiêm Vũ H	49.041
32	Bùi Văn Nh	945.205
33	Bùi Văn H	74.521
34	Bùi Văn S	1.417.808
35	Bùi Thị Lẻnh	141.781
36	Bùi Thị Th	1.134.247
37	Bùi Đức D	6.143.836
38	Bùi Thị Hương Th	2.835.616
39	Bùi Văn Đ	850.685
40	Bùi Minh Đ	2.552.055
41	Quách Đình D	945.205
42	Bùi Thị T	4.536.986
43	Bùi Thị H	850.685

44	Bùi Văn T	283.562
45	Bùi Văn Kh	472.603
46	Đinh Hồng Th	3.402.740
47	Bùi Văn Đ	2.268.493
48	Ngô Thuý H	1.701.370
49	Bùi Thị M	567.123
50	Bùi Văn Nh	11.342.466
		176.475.616

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền gốc là **91.000.000^d** (*Chín mươi một triệu đồng*) là phương tiện phạm tội mà 19 người vay còn nợ lại chưa trả cho các bị cáo, cụ thể:

STT	Họ và tên	Số tiền phải nộp sung vào NS
1.	Lê Mạnh H	5.000.000
2.	Vũ Quang H	10.000.000
3.	Bùi Mạnh T	1.000.000
4.	Bùi Văn Ch	5.000.000
5.	Quách C S	20.000.000
6.	Bùi Thị Ph	4.000.000
7.	Bùi Văn C	3.000.000
8.	Đoàn Thị S	2.000.000
9.	Bùi Thị M	1.000.000
10.	Bùi Văn B	5.000.000
11.	Tạ Văn D	10.000.000
12.	Bùi Mạnh Q	3.000.000
13.	Bùi Thị L	4.000.000
14.	Bùi Thị Th	3.000.000
15.	Bùi Minh Đ	3.000.000
16.	Quách Đình D	2.000.000
17.	Bùi Thị H	3.000.000

18.	Bùi Văn Kh	5.000.000
19.	Ngô Thuý H	2.000.000
Tổng số		91.000.000

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Vật chứng là một sổ loại sổ sách thu tại của hàng nhưng không ghi nội dung gì, không có giá trị chứng minh tội phạm đã được chuyển sang cơ quan thi hành án theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/2021/QĐ-TA và biên bản giao nhận ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi cần tịch thu tiêu hủy.

- Tiền mặt 3.450.000^d (Ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ từ Đỗ Văn Ch là tiền phạm tội mà có cần tịch thu xung vào Ngân sách nhà nước;

- 01 (một) máy tính cầm tay, nhãn hiệu FLEXIO, CAL-03S; 01 (một) ống tuýp bằng kim loại gắn lưỡi dao kích thước dài 95cm, phần lưỡi dao dài 20cm; 01 (một) ống tuýp bằng kim loại gắn lưỡi dao kích thước dài 97cm, phần lưỡi dao dài 22cm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

(Hiện trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 01 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 về thu, miễn, giảm án phí. Buộc các bị cáo Trịnh Vũ L, Bùi Văn Kh, Đỗ Văn Ch, Nguyễn Chí C, Bùi Văn Tr, Bùi Trung K, Bạch C L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện Kim Bôi; C an huyện;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có QL.NVLQ;
- Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS Kim Bôi;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thuý Hằng